

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Khanh;

Bà Tô Thị Bảo Ánh.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Thông- Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T* 2003

Địa chỉ: Số D, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An

- *Bị đơn: Anh RGEFIELD "Ho_ten_BD" Đặng Hồng Snăm 2003*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- *Người làm chứng: Bà Lê Thị V* năm 1979.

Địa chỉ: ia chi B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Người làm chứng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2024; biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/8/2024 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T bày: Chị và anh S1 tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2023,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2003 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là anh S1 không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh S1 thường xuyên đánh chị. Chị và anh S1 đã ly thân với nhau từ đầu tháng 01/2024 cho đến nay. Sau nhiều lần hàn gắn không thành, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hồng S

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh S1 có một người con chung tên Đặng Gia H ngày 10/01/2022. Hiện tại, cháu H1 sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S1 theo quy định, nhưng anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T2, cũng không có mặt để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tố tụng và đường lối giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm đối với vụ án trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T2 đối với anh Đặng Hồng S (theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 23 tháng 5 năm 2023, của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T).

Về con chung: Giao con chung tên Đặng Gia H ngày 10/01/2022 cho chị T2 tiếp tục trong nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh S1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T2 không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T2 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Hồng S và tranh chấp nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con

chung”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh **Đặng H2** S1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T1 với anh **S** là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến anh, chị ly thân với nhau từ đầu năm 2024. Từ khi anh, chị ly thân cho đến nay, cả hai không tìm cách hàn gắn, chung sống lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng anh chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh S1 không có mặt theo Thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T2**, chứng tỏ rằng anh không quan tâm gì đến hôn nhân của vợ chồng anh. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T2** đối với anh **S** là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị **T2** và anh **S** có sinh được một con chung tên **Đặng Gia H** ngày 10/01/2022. Hiện nay, đang sống với chị **T2**. Tại phiên tòa, chị **T2** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị **T2** và anh **S** ly thân với nhau (tháng 01/2024), cháu **Gia H3** do chị **T2** nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị **T2** vẫn đảm bảo cho cháu **Gia H3** có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu **Gia H3** cho chị **T2** nuôi dưỡng, là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh **S** không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị **T2** không yêu cầu.

Anh **S** được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị **T2** trình bày: Chị và anh **S** không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị **T2** và anh **S** trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, anh **S** vắng mặt lần thứ 2, xét thấy anh **S** đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **S** là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T2** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị T2** đối với anh **Đặng Hồng S** (theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 23 tháng 5 năm 2023, của Ủy ban nhân dân xã T).

Cho chị **Nguyễn Thị T2** và anh **Đặng Hồng S** được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung của chị **Nguyễn Thị T2** và anh **Đặng Hồng S** tên **Đặng Gia H** ngày 10/01/2022 cho chị **T2** chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh **Đặng H2 S** không cấp dưỡng nuôi con do chị **T1** không yêu cầu.

Anh **S** được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T2** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **T2** đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011642 ngày 26/6/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã Tân Công Sính;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Vũ